

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THỚI LAI
THÀNH PHỐ CẦN THƠ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 119/2023/DSST
Ngày: 18 – 9 – 2023.
V/v: “*Tranh chấp vay tài sản*”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THỚI LAI – THÀNH PHỐ CẦN THƠ**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Phan Nguyễn Minh Trí**

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông **Lý Hồng Hạnh**

2. Ông **Phan Tấn Lạc**

- Thư ký phiên tòa: Ông **Nguyễn Văn Tường** – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thới Lai.

Ngày 18 tháng 9 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thới Lai xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 115/2023/TLST-DS ngày 28 tháng 4 năm 2023 về việc “*tranh chấp vay tài sản*”. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 467/2023/QĐXXST-DS ngày 15 tháng 8 năm 2023, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà **Phạm Hồng N**, sinh năm 1985 (Vắng mặt)

Địa chỉ: ấp T, xã T, huyện Thới Lai, TP. Cần Thơ.

Người đại diện theo ủy quyền: Bà **Nguyễn Thị Ngọc M**, sinh năm 1977 (Có mặt)

Địa chỉ: ấp T, xã T, huyện Thới Lai, TP. Cần Thơ.

2. Bị đơn: Ông **Hồ Hoàng Quang K**, sinh năm 1985 (Vắng mặt)

Địa chỉ: ấp Đ, xã Đ, huyện Thới Lai, thành phố Cần Thơ.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn trình bày và yêu cầu:

Do chỗ quen biết thân thuộc, ngày 19/10/2015 ông Hồ Hoàng Quang K có đến nhà bà Phạm Hồng N mượn số tiền 120.000.000 đồng và cam kết trong vòng 30 ngày sẽ trả nợ.

Sau thời gian 30 ngày ông K không trả nợ, bà N đã nhiều lần đôn đốc ông K thực hiện nghĩa vụ trả nợ thì ông K cam kết vay ngân hàng hoặc bán đất trong vòng

12 tháng sẽ trả tất nợ. Tuy nhiên đến nay ông K không trả nợ. Bà N đã nhiều lần liên lạc nhưng ông K trốn tránh trách nhiệm trả nợ.

Nay bà Phạm Hồng N yêu cầu ông Hồ Hoàng Quang K có trách nhiệm trả số tiền gốc 120.000.000 đồng (Một trăm hai mươi triệu đồng) và số tiền lãi tạm tính từ ngày 19/10/2015 đến ngày 19/02/2023 là 88 tháng, theo lãi suất quá hạn do Ngân hàng Nhà nước quy định (mức lãi suất tạm tính là 1,5%/ tháng, số tiền tạm tính là 158.400.000 đồng (Một trăm năm mươi tám triệu bốn trăm nghìn đồng).

Bị đơn đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt.

Tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện; Bị đơn vắng mặt.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ pháp luật: Nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả tiền vay nên quan hệ pháp luật là “Tranh chấp vay tài sản” thuộc thẩm quyền giải quyết vụ án sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện Thới Lai theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về thủ tục tố tụng: Bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vắng mặt nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về nội dung vụ án:

[3.1] Xét Biên nhận tiền ngày 19/10/2015 nội dung: “*Tôi Hồ Hoàng Quang K sinh năm 1985 có nhận của cháu N số tiền 120.000.000 đồng (Một trăm hai chục triệu)*”. Tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày giữa bà N và ông K có thỏa thuận lãi suất 0,58%/tháng (tức 7%/ năm) nhưng không cung cấp được chứng cứ chứng minh cho việc thỏa thuận lãi suất nên rút lại trình bày có thỏa thuận lãi suất. Như vậy có căn cứ xác định ông Hồ Hoàng Quang K và bà Nguyễn Hồng N có giao kết vay tài sản không lãi suất theo quy định tại Điều 471 Bộ luật dân sự năm 2005.

[3.2] Theo bà N trình bày ông K hứa trong 30 ngày sẽ trả nợ nhưng ông K không thực hiện. Sau đó ông K cam kết trong thời hạn 12 tháng sẽ trả tất nợ cho bà N nên bà N và ông K đã thỏa thuận lại thời điểm bắt đầu thực hiện nghĩa vụ trả tiền của ông K là ngày 19/10/2016.

[3.3] Ông Hồ Hoàng Quang K đã nhận được Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; Thông báo về kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ; Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm; Quyết định hoãn phiên tòa sơ thẩm nhưng ông K vắng mặt và không có văn bản ý kiến về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn nên xem như ông K từ bỏ quyền được chứng minh của mình, phải chịu hậu quả của việc không chứng minh theo quy định tại khoản 2 và khoản 4 Điều 91 Bộ luật tố tụng dân sự. Như vậy, theo quy định tại Điều 466 Bộ luật dân sự 2015 thì ông Hồ Hoàng Quang K đã vi phạm nghĩa vụ trả tiền nên ông K có trách nhiệm trả cho bà N số tiền gốc và tiền lãi phát sinh do chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền.

[3.4] Do các bên không thỏa thuận lãi suất nên theo quy định tại khoản 2 Điều 357 và khoản 4 Điều 466 Bộ luật Dân sự năm 2015 thì lãi suất phát sinh do chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền được áp dụng là 10%/ năm. Nguyên đơn yêu cầu áp dụng lãi suất 1,5%/ tháng là không có cơ sở để Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3.5] Thời hạn thực hiện nghĩa vụ trả tiền của ông K là ngày 19/10/2016. Tuy nhiên ông K không thực hiện như đã thỏa thuận nên theo quy định tại khoản 2 Điều 147 Bộ luật Dân sự năm 2015 thì thời điểm ông K vi phạm nghĩa vụ là ngày 20/10/2016. Nguyên đơn yêu cầu tính lãi chậm trả từ ngày 19/10/2015 là không có cơ sở để Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3.6] Vì vậy, số tiền lãi phát sinh do chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền mà ông K phải trả cho bà N tính từ ngày 20/10/2016 đến ngày 19/02/2023 là: 120.000.000 đồng x 10%/năm x 06 năm 03 tháng 29 ngày = 75.967.124 đồng (Bảy mươi lăm triệu chín trăm sáu mươi bảy nghìn một trăm hai mươi bốn).

[3.7] Từ những nhận định trên, yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ để Hội đồng xét xử chấp nhận một phần. Cần buộc Hồ Hoàng Quang K trả cho bà Phạm Hồng N số tiền gốc 120.000.000 đồng (Một trăm hai mươi triệu đồng) và tiền lãi 75.967.124 đồng (Bảy mươi lăm triệu chín trăm sáu mươi bảy nghìn một trăm hai mươi bốn).

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm: Nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm tương ứng với phần yêu cầu không được Tòa án chấp nhận; bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm tương ứng với phần yêu cầu của nguyên đơn Tòa án chấp nhận theo quy định tại điểm khoản 4 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng: Điều 26; Điều 35; Điều 39; Điều 147; Điều 227; Điều 266; Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2019;

Khoản 2 Điều 147; khoản 4 Điều 466; Khoản 2 Điều 468; điểm b khoản 1 Điều 688 Bộ luật Dân sự năm 2015;

Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Phạm Hồng N.

2. Buộc ông Hồ Hoàng Quang K có trách nhiệm trả cho bà Phạm Hồng N số tiền gốc 120.000.000 đồng (Một trăm hai mươi triệu đồng) và tiền lãi 75.967.124 đồng (Bảy mươi lăm triệu chín trăm sáu mươi bảy nghìn một trăm hai mươi bốn đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông Hồ Hoàng Quang K phải chịu 9.798.000 đồng (Chín triệu bảy trăm chín mươi tám nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Bà Phạm Hồng N phải chịu 4.122.000 đồng (Bốn triệu một trăm hai mươi hai nghìn đồng) án phí sơ thẩm, được khấu trừ 6.960.000 đồng (Sáu triệu chín trăm sáu mươi nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp theo biên lai thu số 005131 ngày 20/4/2023 nên bà N được nhận lại 2.838.000 đồng (Hai triệu tám trăm ba mươi tám nghìn đồng) tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thới Lai, thành phố Cần Thơ.

4. Về quyền kháng cáo: Đương sự được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt, niêm yết theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án

dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- Dương sự;
- VKS.ND. H. Thới Lai.
- THA.H. Thới Lai;
- Lưu

Phan Nguyễn Minh Trí